

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
Tỉnh Thanh Hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2021/KDTM-ST

Ngày 13/5/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Tiến Thanh.

Ông Trịnh Công Kiều.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Chuyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-KDTM ngày 05 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐST-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2021/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 H, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân H - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B (Theo quyết định ủy quyền số 16A/QĐ- BIDV.BS ngày 02/01/2020). Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Ông Trần Chí H, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện H, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2020, bản tự khai ngày 25/01/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị G, ông Trần Chí H có quan hệ tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Đ, Chi nhánh B, phòng giao dịch H thông qua hợp đồng tín dụng số 01/2018/6585786/HĐTD ký ngày 17/8/2018, số tiền vay 1.500.000.000đ (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*), thời hạn vay 11 tháng, từ ngày 17/8/2018 đến ngày 17/7/2019, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất cho vay: Quy định chi tiết tại Hợp đồng tín dụng và/hoặc Bảng kê rút vốn. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Hình thức trả gốc, lãi: Gốc được trả một lần vào cuối kỳ, lãi vay trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Đ và ông Trần Chí H, bà Nguyễn Thị G đã ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/6585786/HĐBĐ ngày 16/8/2018, được công chứng tại văn phòng công chứng H, tỉnh Thanh Hoá, số công chứng 779 quyền số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/8/2018. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất tại thửa số 42A, tờ bản đồ số 17 với diện tích 78m² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CI568473, số vào sổ cấp GCN: CH09973 do UBND huyện H cấp ngày 21/7/2017 và trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất ngày 24/7/2017 cho bà Nguyễn Thị G và ông Trần Chí H ở thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

Sau khi thực hiện các thủ tục ký kết hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp, ngày 17/8/2018 Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã giải ngân theo uỷ nhiệm chi số tiền 1.500.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị G là chủ tài khoản.

Quá trình thực hiện theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết bà G, ông H mới trả được số tiền lãi đến ngày 25/6/2019 là 92.942.466 đồng. Từ đó bà G, ông H không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc đến hạn theo hợp đồng đã ký. Sau khi khoản vay quá hạn Ngân hàng đã gửi thông báo nợ vay quá hạn cho ông H và bà G nhiều lần, nhưng ông H, bà G không trả nợ. Số tiền bà Giang, ông H còn nợ của Ngân hàng tính đến ngày 13/5/2021 là 1.944.657.534 đồng. Trong đó tiền gốc là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 307.808.219, lãi quá hạn 136.849.315 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị G và ông Trần Chí H phải thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và khoản tiền lãi (trong hạn, quá hạn) phát sinh tính đến ngày 13/5/2021 là 1.944.657.534 đồng (*Một tỷ chín trăm bốn bốn triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba tư đồng*) trong đó bao gồm nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 307.808.219, lãi quá hạn 136.849.315 đồng và lãi phát sinh từ ngày 14/5/2021 theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng cho đến thời điểm bà Nguyễn Thị G và ông Trần Chí H trả hết nợ vay.

Trường hợp bà Nguyễn Thị G và ông Trần Chí H không thực hiện việc trả nợ, Ngân

hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết. Nếu tài sản phát mại thế chấp mà chưa thu hồi hết nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên tất cả các tài sản, nguồn thu nhập khác của bà G, ông H để thu hồi nợ.

2. Theo bản tự khai ngày 27/01/2021, lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án của bị đơn ông Trần Chí H trình bày:

Năm 2018 vợ chồng tôi là Nguyễn Thị G và Trần Chí H có ký hợp đồng tín dụng số 01/2018/6585786/HĐTD ký ngày 17/8/2018 với Ngân hàng TMCP Đ vay số tiền 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*), thời hạn vay vốn: 11 tháng kể từ ngày 17/8/2018 đến ngày 17/7/2019; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh; Lãi suất vay: Quy định chi tiết tại Hợp đồng tín dụng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Hình thức trả gốc, lãi: Gốc trả bằng một lần vào cuối kỳ, lãi vay trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.

Tài sản chúng tôi thế chấp cho ngân hàng để vay số tiền trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản là nhà ở 03 tầng gắn liền với đất ở thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI568473, số vào sổ cấp GCN: CH09973 do UBND huyện H cấp ngày 21/7/2017 cho vợ chồng tôi là Nguyễn Thị G và Trần Chí H. Tài sản trên chúng tôi thế chấp tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2018/6585786/HĐBĐ ký ngày 16/8/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng chúng tôi vẫn trả lãi cho ngân hàng đầy đủ. Đến hạn hợp đồng là ngày 17/7/2019 do chúng tôi làm ăn thua lỗ nên chưa trả được số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu chúng tôi trả nợ, tôi đồng ý với toàn bộ nội dung cũng như số tiền gốc, lãi theo yêu cầu của Ngân hàng đã tính toán là hoàn toàn đúng, nhưng tôi đề nghị Tòa án và Ngân hàng tạo điều kiện cho chúng tôi được trả dần số tiền trên và gia hạn thêm khoảng 1 năm để chúng tôi thu xếp việc bán nhà, sau khi bán nhà chúng tôi sẽ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng.

Tại phiên hòa giải ngày 17/3/2021, có mặt ông Trần Chí H, vắng mặt bà Nguyễn Thị G. Ông H và Ngân hàng TMCP Đ, Chi nhánh B đã thống nhất được số tiền nợ tính đến ngày 17/3/2021 bà G và ông H còn nợ Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là 1.909.502.547 đồng (*Một tỷ chín trăm lẻ chín triệu năm trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng*) trong đó bao gồm nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 284.383.561 đồng, lãi quá hạn 125.136.986 đồng. Nhưng hai bên không thống nhất được thời gian và phương thức trả nợ.

Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/02/2021: Quyền sử dụng đất tại thửa số 42A, tờ bản đồ số 17 với diện tích 78m² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI568473, số vào sổ cấp GCN: CH09973 do

UBND huyện H cấp ngày 21/7/2017 cho bà Nguyễn Thị G và ông Trần Chí Hu ở thôn Thành L, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Phía Nam giáp hộ ông Bùi Văn S thửa số 47 và giáp ngõ đi chung dài 3,14m; phía Bắc giáp đường giao thông có chiều dài 4m; phía Tây giáp hộ ông Triệu Ngọc T thửa số 42, có chiều dài 18,97m, phía Đông giáp hộ ông Nguyễn Việt H thửa số 07 và giáp nhà thờ họ Trần có chiều dài 19,48m và toàn bộ tài sản trên đất là 01 nhà ở cấp bốn 03 tầng hướng Bắc, tường xây gạch, mái bê tông cốt thép. Diện tích xây dựng 70m², diện tích sân 210 m² xây dựng năm 2016.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Buộc ông H, bà G trả cho Ngân hàng TMCP Đ tính đến ngày 13/5/2021 là 1.944.657.534 đồng (*Một tỷ chín trăm bốn bốn triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba tư đồng*) trong đó bao gồm nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 307.808.219, lãi quá hạn 136.849.315 đồng và tính lãi tiếp theo sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông H, bà G trả hết toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nếu bà G, ông H không thi hành việc trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 01/2018/6585786/HĐBĐ ký ngày 16/8/2018 để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463; 466 Bộ Luật Dân sự; các Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Buộc bà Nguyễn Thị G và ông Trần Chí H phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử 13/5/2021 là 444.657.534 đồng. Tổng số tiền phải trả là 1.944.657.534 đồng (*Một tỷ chín trăm bốn bốn triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba tư đồng*). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong khoản nợ ông H, bà G phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2018/6585786/HĐTD ngày 17/8/2018.

Án phí: Buộc bà Nguyễn Thị G và ông Trần Chí H chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại xã N, huyện H và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết. Ngày 22/12/2020 Tòa án nhân dân thị xã B chuyển vụ án để giải quyết theo thẩm quyền theo quyết định số 06/2020/QĐST-KDTM. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã báo bị đơn là bà Nguyễn Thị G đến làm việc nhưng bà G không đến, bị đơn ông Trần Chí H đã có bản tự khai, cam kết giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà G và tham gia hòa giải tại Tòa án. Tại phiên tòa ngày 15/4/2021 bà G và ông H đều vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, vì vậy Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi bà G, ông H cư trú. Nay ông H, bà G vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà G, ông H theo quy định của pháp luật.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngân hàng TMCP Đ với ông Trần Chí H, bà Nguyễn Thị G ký Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6585786/HĐTD ngày 17/8/2018. Đến hạn bà G, ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 06/9/2019, ngày 16/10/2019 và ngày 26/11/2019 Ngân hàng đã thông báo nợ quá hạn. Ngày 02/11/2020 Ngân hàng TMCP Đ có đơn khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị G, ông Trần Chí H, thời hiệu khởi kiện được đảm bảo theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Ngân hàng TMCP Đ ký Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6585786/HĐTD ngày 17/8/2018 với bà Nguyễn Thị G, ông Trần Chí H vay 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*), thời hạn vay 11 tháng (từ ngày 17/8/2018 đến ngày 17/7/2019); lãi suất vay quy định chi tiết tại Hợp đồng tín dụng và/hoặc Bảng kê rút vốn. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Hình thức trả gốc bằng một lần vào cuối kỳ, lãi vay trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.

Bà Giang, ông H đã nhận đủ số tiền vay theo uỷ nhiệm chi ngày 17/8/2018, quá trình thực hiện hợp đồng bà G, ông H đã trả số tiền lãi 92.942.466 đồng. Sau khi khoản vay quá hạn Ngân hàng đã thông báo cho ông H và bà G nhiều lần, nhưng ông H, bà G không trả thêm được khoản tiền gốc, lãi nào.

Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Nay đã quá hạn trả nợ nhưng bà G, ông H không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc cho Ngân hàng theo mục 7 hợp đồng tín dụng số 01/2018/65857886/HĐTD ngày 17/8/2018. Như vậy, việc Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu bà G, ông H trả toàn bộ tiền gốc là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính đến ngày 13/5/2021 là 307.808.219 đồng, lãi quá hạn 136.894.315 đồng là có căn cứ cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Do đó cần buộc vợ chồng bà G, ông H trả nợ cho Ngân hàng TMCP tổng số tiền là 1.944.657.534 đồng. Trong đó tiền gốc là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 13/5/2021 còn nợ lãi trong hạn 307.808.219 đồng, nợ lãi quá hạn 136.894.315 đồng và tính lãi theo hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thực hiện xong việc trả nợ.

[4.2] Về yêu cầu của bị đơn ông Trần Chí Hùng: Ông Trần Chí H thừa nhận khoản nợ hiện nay như Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu là đúng và đề nghị Ngân hàng gia hạn thêm thời gian một năm để bán nhà trả nợ. Xét thấy yêu cầu về thực hiện phương thức trả nợ của ông Trần Chí H là không đúng với cam kết theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/6585786/HĐTD ngày 17/8/2018, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[4.3] Đối với Hợp đồng thế chấp: Bà Nguyễn Thị G, ông Trần Chí H có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, hợp đồng thế chấp số 01/2018/6585786/HĐBĐ ngày 16/8/2018 với Ngân hàng, hợp đồng thế chấp được công chứng tại văn phòng công chứng H, tỉnh Thanh Hoá, số công chứng 779 quyền số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/8/2018. Tài sản thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 42A, tờ bản đồ số 17 với diện tích 78 m² và tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp bốn ba tầng, diện tích xây dựng 70m², diện tích sàn 210m² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI568473, số vào sổ cấp GCN: CH09973 do UBND huyện H cấp ngày 21/7/2017 cho bà Nguyễn Thị G và ông Trần Chí H ở thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

Theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thế chấp, nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ tài sản thế chấp đang tồn tại hoặc sẽ phát sinh trong tương lai theo hợp đồng thế chấp số 01/2018/6585786/HĐBĐ ngày 16/8/2018, việc ký hợp đồng thế chấp tài sản là sự tự nguyện của hai bên đúng theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị G và ông

Trần Chí H không thực hiện việc trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết. Nếu tài sản phát mại thế chấp mà chưa thu hồi hết nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên tất cả các tài sản, nguồn thu nhập khác của bà G, ông H để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/02/2021 gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa số 42A, tờ bản đồ số 17 với diện tích 78 m² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI568473, số vào sổ cấp GCN: CH09973 do UBND huyện H cấp ngày 21/7/2017 cho bà Nguyễn Thị G và ông Trần Chí H ở thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hoá. Phía Nam giáp hộ ông Bùi Văn S thửa số 47 và giáp ngõ đi chung dài 3,14m; phía Bắc giáp đường giao thông có chiều dài 4 m; phía Tây giáp hộ ông Triệu Ngọc T thửa số 42, có chiều dài 18,97m, phía Đông giáp hộ ông Nguyễn Việt H thửa số 07 và giáp nhà thờ họ Trần có chiều dài 19,48m và toàn bộ tài sản trên đất là 01 nhà ở cấp bốn 03 tầng hướng bắc, tường xây gạch, mái bê tông cốt thép. Diện tích xây dựng 70 m², diện tích sàn 210 m² xây dựng năm 2016.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị G, ông Trần Chí H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 70.339.726 đồng (Bảy mươi triệu ba trăm ba chín nghìn bảy trăm hai sáu đồng).

Trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 33.098.600 đồng cho Ngân hàng TMCP Đ theo biên lai số AA/2019/0007122 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Thanh Hoá.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 317; Điều 318; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện ngày 02/11/2020 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

2. Buộc bà Nguyễn Thị G và ông Trần Chí H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng, tiền lãi (đến ngày xét xử 13/5/2021) trong hạn 307.808.219 đồng, nợ lãi quá hạn 136.894.315 đồng. Tổng tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn: 1.944.657.534 đồng (*Một tỷ chín trăm bốn bốn triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba tư đồng*).

Kể từ ngày 14/5/2021 (ngày tiếp theo của ngày xét xử) cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ bà Nguyễn Thị G và ông Trần Chí H tiếp tục phải trả các khoản lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/6585786/HĐTD ngày 17/8/2018.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị G và ông Trần Chí H không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/6585786/HĐBĐ ngày 16/8/2018. Nếu tài sản thế chấp mà chưa đủ thu hồi hết nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu kê biên tất cả các tài sản, nguồn thu nhập khác của bà G, ông H để thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất tại thửa số 42A, tờ bản đồ số 17 với diện tích 78m² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CI568473, số vào sổ cấp GCN: CH09973 do UBND huyện Hậu Lộc cấp ngày 21/7/2017 và trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất ngày 24/7/2017 cho bà Nguyễn Thị G và ông Trần Chí H ở thôn Thành L, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hoá. Có tứ cạnh như sau:

Phía Nam giáp hộ ông Bùi Văn S thửa số 47 và giáp ngõ đi chung dài 3,14m; phía Bắc giáp đường giao thông có chiều dài 4 m; phía Tây giáp hộ ông Triệu Ngọc T thửa số 42, có chiều dài 18,97m, phía Đông giáp hộ ông Nguyễn Việt H thửa số 07 và giáp nhà thờ họ Trần có chiều dài 19,48m và toàn bộ tài sản trên đất là 01 nhà ở cấp bốn 03 tầng hướng bắc, tường xây gạch, mái bê tông cốt thép. Diện tích xây dựng 70 m², diện tích sàn 210 m² xây dựng năm 2016.

Án phí: Bà Nguyễn Thị G và ông Trần Chí H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 70.339.726 đồng (*Bảy mươi triệu ba trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai sáu đồng*)

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.098.600 đồng (*Ba mươi ba triệu không trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0007122 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án mà người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện H.
- Chi cục THADS huyện H.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Cao Thị Nga